

\* Nhận xét:

- Tỷ lệ vốn lưu động của doanh nghiệp là 35,4% vẫn ở mức an toàn và hợp lý  $\Rightarrow$  Doanh nghiệp có khả năng tự chủ tài chính cao, không lo rủi ro về các khoản nợ

- Chỉ số đòn bẩy tài chính những tháng qua nhiều, vẫn ở mức an toàn

- Tỷ suất sinh lời của NPT là 60,35% là khá cao, cho thấy doanh nghiệp sử dụng vốn nợ khá hợp lý

$\rightarrow$  Doanh nghiệp vẫn đang ở mức hiệu quả hoạt động sử dụng vốn khá tốt, tạo được lợi nhuận cao, tuy nhiên nếu muốn tăng thêm khả năng sinh lời, tạo lợi nhuận doanh nghiệp vẫn có thể tăng đòn bẩy tài chính lên một chút

3) Nếu là một nhà đầu tư, tôi sẽ chọn đầu tư vào công ty B vì công ty B có khả năng sinh lời cao và ổn định hơn công ty A, ngoài ra việc sử dụng vốn lưu động của công ty B cũng tốt hơn phân phối có cái cầu & tài sản, nguồn vốn hợp lý hơn để có thể sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn vốn mà vẫn ở mức an toàn

Câu 2:

Điều này không hoàn toàn là tốt.

Tuy hệ số vòng quay hàng tồn kho cũng cao cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và tồn kho không bị ứ đọng nhiều, hiệu quả sử dụng bán hàng cao hơn, ít tốn kém chi phí lưu kho. Nhưng nếu VỐN HTK quá cao thì có thể cho thấy doanh nghiệp đang xoay vòng HTK quá nhiều có thể do doanh nghiệp không có đủ hàng để cung cấp cho khách hàng, hiệu quả sản xuất không tốt có thể gây ra việc thiếu hàng, không kịp tiếp ứng yêu cầu khách hàng dẫn đến mất khách, giảm doanh thu, lợi nhuận

Những công ty có hệ số HTK và LN tăng tương đương nhau hàng năm là công ty hoạt động tốt nhưng nếu LN vẫn tăng tương đương nhưng mức tăng của HTK thì công ty đó vẫn hoạt động tốt và hiệu quả

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
9	Chín			- Số tờ: 01 - Mã đề: 03

Bài làm:

Kết quả

- Câu 1: 3  
 Câu 2: 2  
 Câu 3: 2  
 Câu 4: 3  
 Câu 5: 1  
 Cộng: 9

Câu 1:

- 1 - C ✓  
 2 - C ✓  
 3 - B ✓  
 4 - C ✓  
 5 - A ✓  
 6 - A ✓  
 7 - C ✓  
 8 - B ✓  
 9 - C ✓  
 10 - A ✓

Câu 3:

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = \text{DTT} - \text{GVHB} - \text{CPBH} - \text{CPALDN} - \text{CPLV}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{LNST} \cdot (1 - 20\%)$$

$$\text{RO ROS} = \frac{\text{DTT} \cdot \text{LNST}}{\text{DTT}} \times 100\%$$

$$\text{SDA} = \frac{\text{DTT}}{\text{Tổng TSBA}} \times 100\%$$

$$\text{ROA} = \frac{\text{LN}}{\text{ROS}} \times \text{SDA}$$

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỨC Ở PHẦN TRÊN

Ta có bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	(+/-)	CL tương đối	CL (%)
Lợi nhuận trước thuế	1.800	1.500			
Lợi nhuận sau thuế	1.440	1.200			0,25
ROS (%)	4,43%	2,62%	-1,81%	-40,86%	0,5
SOA (%) (vòng)	0,56	0,56	0	0%	0,5
ROA (%)	2,48%	1,43%	-1,05%	-42,34%	0,5

Theo mô hình Dupont:  $ROA = ROS \times SOA$

Từ bảng trên ta thấy ROA của doanh nghiệp năm nay là 1,43% thấp hơn năm ngoái trước 1,05% tương đương giảm 42,34%. ROA giảm là do ảnh hưởng mạnh từ chính từ ROS. ROS của doanh nghiệp giảm từ 4,43% xuống 2,62%, giảm 1,81% tương đương giảm 40,86%. Chỉ số SOA không biến đổi nên không tác động đến sự giảm của ROA.

ROA của doanh nghiệp giảm do ROS của doanh nghiệp giảm có thể thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc hiệu quả sử dụng chi phí, khả năng sinh lời từ doanh thu sụt giảm đây là dấu hiệu không tốt.

Câu 4:

1, Ta có bảng sau:

Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B
ROA	18,03%	21,27%
ROS	10,74%	14,10%
ROE	27,23%	32,85%

Đánh giá:

\* Công ty A: có ROE = 27,23%

$$ROE = ROS \times SOA \times \text{Đòn bẩy tài chính}$$

$$= 10,74\% \times 1,68 \times 1,51$$

\* Công ty B: có ROE = 32,85%

$$ROE = ROS \times SOA \times \text{Đòn bẩy tài chính}$$

$$= 14,10\% \times 1,51 \times 1,54$$

Đánh giá:

Ta thấy đòn bẩy tài chính của 2 bên tương đương nhau nhưng doanh nghiệp công ty B có khả năng sinh lời từ doanh thu, tài sản và VCSH cao hơn hẳn công ty A. Cho thấy công ty B có hiệu quả sử dụng tài sản, khả năng sinh lời cao, hiệu quả hoạt động tốt. Công ty B có tiềm năng phát triển hơn công ty A có thể tăng đòn bẩy tài chính để tăng khả năng sinh lời.

2,

\* Công ty A:

$$\text{Tỷ suất sinh lời của vốn vay} = \frac{EBIT}{\text{NPT}}$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời của NPT} = \frac{LNST}{NPT} = \frac{91.300}{70.400 + 100.600}$$

$$= 53,39\%$$

$$\text{Chỉ số đòn cân nợ} = \frac{ROE}{ROA} = \frac{27,23\%}{18,03\%} = 1,51$$

$$\text{Tỷ lệ NPT trên Nguồn vốn} = \frac{70.400 + 100.600}{506.300} = 33,77\%$$

\* Nhận xét:

Tỷ lệ vốn lưu động của doanh nghiệp vẫn ở mức hợp lý là 33,77%  $\Rightarrow$  có khả năng trả chủ tài chính cao, không lo mất vốn.

Chỉ số đòn cân nợ lớn hơn 1 cho thấy doanh nghiệp có sử dụng đòn bẩy tài chính nhưng không nhiều, vẫn an toàn với chỉ số đòn cân nợ là 1,51

Tỷ suất sinh lời của NPT là 53,39%, ở mức ổn định

$\Rightarrow$  Doanh nghiệp đang ở mức an toàn, có thể tăng thêm rủi ro tài chính, tuy nhiên doanh nghiệp vẫn có thể gia tăng đòn bẩy tài chính để tăng thêm hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời trên VCSH

\* Công ty B:

$$\text{Tỷ suất sinh lời của NPT} = \frac{LNST}{NPT} = \frac{129.700}{118.600 + 96.300} = 60,35\%$$

$$\text{Chỉ số đòn cân nợ} = \frac{ROE}{ROA} = 1,54$$

$$\text{Tỷ lệ NPT trên Nguồn vốn} = 35,24\%$$

Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B	
Doanh thu	850.000	920.000	
Tài sản ngắn hạn	186.900	271.900	
Nợ ngắn hạn	70.400	118.600	
Vốn lưu động	116.400	153.500	0,8
Hiệu quả sử dụng vốn lưu động	7,50	6,00	0,8

- Công thức:  
 1)  $Vốn\ lưu\ động = Tài\ sản\ ngắn\ hạn - Nợ\ ngắn\ hạn$   
 2)  $Hiệu\ quả\ sử\ dụng\ VLD = \frac{Doanh\ thu}{Vốn\ lưu\ động}$

- Nhận xét:  
 1) Hiệu quả sử dụng vốn lưu động phản ánh trong 1 đồng doanh thu được tài trợ từ bao nhiêu đồng vốn lưu động.  
 2) Từ bảng tính trên ta thấy công ty A & B sử dụng ít vốn lưu động hơn trong quá trình hoạt động kinh doanh, xét khoản tài sản ngắn hạn, công ty A có quy mô ít hơn, khoản bị chiếm dụng của công ty A ít hơn. Trong khi đó công ty B có tài sản ngắn hạn cao hơn chủ yếu do khoản mục hàng tồn kho và nợ ngắn hạn của công ty B đang lớn hơn công ty A khá nhiều.  
 + Tuy quy mô của công ty A nhỏ hơn công ty B nhưng công ty A đang sử dụng chế độ từ nguồn vốn lưu động, tuy nhiên từ phân tích chi riêng sinh lời trên thì công ty A nên cân nhắc, xem xét để đưa ra các biện pháp, phương án để cải thiện lợi nhuận đạt tới hiệu như công ty B. 0,5

c) Nếu là một nhà đầu tư em sẽ chọn công ty B vì xét trên phương diện 1 nhà đầu tư, họ sẽ quan tâm nhiều hơn đến tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu và công ty B đang chiếm ưu thế hơn công ty A. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về tài sản, nợ, vốn chủ sở hữu hay tỷ lệ chi trả cổ tức của công ty B cũng có phần cao hơn công ty A. Vậy nên, là 1 nhà đầu tư em sẽ chọn công ty mang lại nhiều lợi nhuận trên một đồng đầu tư hơn. 0,25

Sinh viên gập giấy theo đường kẻ này

Số phách:  
 15

TÊN HỌC PHẦN: Phân tích tài chính doanh nghiệp

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
97	Chín mươi bảy			- Số tờ: 01 - Mã đề: 03

**Kết quả**

**Câu 1:** 1. C ✓ 6. AD ✓  
 2. C ✓ 7. C ✓  
 3. B ✓ 8. B ✓

**Câu 2:** 4. C ✓ 9. C ✓  
 5. A ✓ 10. A ✓

**Câu 4:** 4

**Câu 5:** 1

**Cộng:** 97

**Câu 1:**  
 - Hệ số vòng quay hàng tồn kho càng cao cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều, điều này không phải lúc nào cũng tốt.  
 1) Khi vòng quay hàng tồn kho cao có nghĩa là hàng tồn kho vận động liên tục, cho thấy quá trình tiêu thụ sản phẩm hiệu quả, tiết kiệm được chi phí lưu kho, hạn chế sản phẩm lỗi thời, đây là điều hướng tích cực. 0,25  
 2) Tuy nhiên khi hàng tồn kho dư thừa quá ít cũng là điều không tốt, khi đó doanh nghiệp có thể bỏ lỡ doanh đạt hàng của khách hàng, mất uy tín và làm giảm lợi nhuận.  
 => Vậy nên hệ số vòng quay hàng tồn kho cao không phải lúc nào cũng tốt. 0,5

**Câu 2:**  
 - Những công ty hoạt động tốt là những công ty có lượng hàng tồn kho tăng tương ứng nhau hàng năm, đây là phát hiện chưa hoàn toàn đúng. Xét tương lập hàng tồn kho ít, doanh nghiệp bán hàng nhanh làm cho hiệu quả kinh doanh tăng nhưng

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỨC Ở PHẦN TRÊN

doanh nghiệp đã áp dụng chính sách giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, vay nên hàng tồn kho tăng tương ứng với lợi nhuận không phải lúc nào cũng tốt.

Câu 3:

\*1) Bảng chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
Doanh thu thuần	32.500	48.450
Lợi nhuận sau thuế	1440	1200
Tổng tài sản bình quân	58.000	92.000

\*1) Mô hình Dupont:

$$ROA = \frac{LNST}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

$$= ROS \times SOA$$

- Ảnh hưởng của ROS đến ROA:

$$\Delta ROA_{ROS} = (ROS_1 - ROS_0) \times SOA_0$$

$$= \left( \frac{1200}{48.450} - \frac{1440}{32.500} \right) \times \frac{32.500}{58.000}$$

$$= -1,01\%$$

- Ảnh hưởng của SOA đến ROA:

$$\Delta ROA_{SOA} = ROS_1 \times (SOA_1 - SOA_0)$$

$$= \frac{1200}{48.450} \times \left( \frac{48.450}{92.000} - \frac{32.500}{58.000} \right)$$

$$= -0,00474\%$$

→ Tổng mức độ ảnh hưởng đến ROA:

$$\Delta ROA = \Delta ROS + \Delta SOA = -1,01\% + (-0,00474\%)$$

$$= -1,01474\%$$

\*1) Nhận xét:

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
ROA	2,48%	1,46%

- Từ phân tích, tính toán trên ta thấy tỷ suất sinh lời của tài sản - ROA có xu hướng giảm từ 2,48% xuống 1,46% do:

→ Tỷ suất sinh lời của doanh thu ảnh hưởng đến ROA, ta thấy doanh thu thuần năm nay tăng so với năm trước nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm do chi phí kinh doanh trong kỳ đều tăng so với năm trước, cho thấy doanh nghiệp đang quản lý chi phí chưa hiệu quả, cần đưa ra các chiến lược cụ thể để cải thiện.

→ Vòng quay của tài sản - SOA cũng ảnh hưởng đến ROA, ta thấy năm nay tài

sản tăng, doanh thu thuần tăng nhưng tốc độ tăng của tài sản cao hơn doanh thu, có thể do doanh nghiệp chưa sử dụng tài sản một cách hiệu quả. Doanh nghiệp nên xem xét, đưa ra phương án để cải thiện nhằm nâng cao lợi nhuận.

Câu 4:

a) Phân tích chi năng sinh lời:

\*1) Công ty A, B:

Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B
Doanh thu thuần	850.000	920.000
Lợi nhuận sau thuế	91.300	129.700
Tổng tài sản	506.500	609.700
Vốn chủ sở hữu	335.500	394.800
ROS (%)	10,74	14,10
ROE (%)	27,23	32,85
ROA (%)	18,05	21,27

\*1) Nhận xét:

- Với tỷ suất sinh lời của doanh thu thuần - ROS, công ty B đang chiếm ưu thế hơn với 14,10% trong khi đó công ty A chỉ với 10,74%. Từ số liệu báo cáo tài chính ta thấy công ty B có doanh thu cao hơn và các khoản chi phí cũng cao hơn công ty A.

- Với tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu - ROE, công ty B cao hơn với 32,85%, công ty A chỉ với 27,23%. Ta thấy công ty B có quy mô hơn công ty A và công ty B cũng có những chính sách, chiến lược kinh doanh hiệu quả để đạt được kết quả cao hơn công ty cùng ngành - công ty A.

- Với tỷ suất sinh lời của tài sản - ROA, công ty B vẫn cao hơn công ty A như chỉ tiêu ROE và ROS. Công ty B với tỷ số 21,27% trong khi công ty A chỉ đạt 18,05%, ta thấy công ty B đang hoạt động kinh doanh khá tốt, quy mô kết cấu cũng với việc quản lý tài sản cũng đang cho thấy tiềm năng của công ty B.

→ Qua phân tích chi năng sinh lời cho thấy mọi chỉ tiêu của công ty B đang khá quan trọng hơn công ty A.

b) Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động:

đều lớn hơn công ty A cho thấy 1 đồng doanh thu và 1 đồng VCSH của B đang tạo ra nhiều lợi nhuận sau thuế hơn B

2. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Vòng quay vốn lưu động = 1

Tỷ suất sinh lời của VLA:  $\frac{LNST}{VLA} = 0,16$

Ta có vốn lưu động của công ty A =  $48.600 + 97.200 + 5.200 + 35.800 = 186.800$

Tỷ suất sinh lời của VLA công ty A =  $\frac{91300}{186800} = 0,489$

+ Tỷ suất sinh lời của VLA công ty B =  $\frac{129700}{271900} = 0,477$

Hiệu suất sử dụng vốn lưu động của công ty A =  $\frac{PTT}{VLA} = 4,55 = \frac{850.000}{186.800}$

+ của công ty B =  $\frac{920.000}{271.900} = 3,38$

Hiệu suất sử dụng tài sản vốn lưu động của công ty A là 4,55 cho thấy 1 đồng VLA có thể tạo ra được 4,55 đồng doanh thu thuần, với công ty B 1 đồng VLA có thể tạo ra được 3,38 đồng doanh thu, cho thấy công ty A đang sử dụng VLA khá tốt để tạo ra được nhiều doanh thu

3. Nếu là nhà đầu tư, em sẽ chọn công ty B vì các chỉ số sinh lời ROA, ROS, ROE > công ty B cho thấy công ty B hoạt động tốt hơn, EPS<sub>B</sub> > EPS<sub>A</sub> và NDT sẽ phụ thuộc nhiều hơn, Tài sản

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
9	Chín	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	- Số tờ: 01 - Mã đề: 03

Sinh viên gập giấy theo đường kẻ này

Kết quả	Câu 1:	Câu 2:	Câu 3:	Câu 4:	Câu 5:	Cộng:
3	1 C ✓ 2 C ✓ 3 B ✓	4 C ✓ 5 A ✓	6 A ✓ 7 C ✓ 8 B ✓ 9 C ✓ 10 A ✓	3,25	0,25	9

Câu 1:

Câu 2: Hệ số vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho

Câu 3:

Câu 4: Hệ số nợ này càng cao cho thấy hàng tồn kho luân chuyển càng nhanh, thông bị ứ đọng. Tuy nhiên điều này không hoàn toàn tốt, do:

- Hàng tồn kho được bán đi nhanh có thể gây thiếu hụt hàng hóa nếu như cầu tăng nhanh đột ngột
- Ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ tiêu dùng
- Điều này có thể thấy doanh nghiệp có thể đang nhập ít hàng hóa, sản phẩm, gây gián đoạn dây chuyền

Câu 5:

Những công ty hoạt động tốt là những công ty có lượng hàng tồn kho và lợi nhuận tăng tương ứng với nhau → Điều này không hoàn toàn đúng

+ Khi doanh lợi nhuận tăng đồng thời hàng tồn kho cũng tăng cho thấy doanh nghiệp hoạt động

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐÚNG CÁC MỨC ĐỘ PHÂN TRÊN

tốt, mặt hàng được khách hàng đánh giá cao, cần tiếp tục đẩy mạnh sản xuất

+ khi hàng tồn kho tăng mà lợi nhuận giảm cho thấy công ty đang bị ứ đọng nhiều hàng tồn kho, cần tăng vòng quay ~~quá~~ bán sản phẩm ~~đó~~, bán cấp dụng khuyến mãi để bán hàng

+ khi hàng tồn kho giảm mà lợi nhuận vẫn tăng chứng tỏ doanh nghiệp đang phát triển, đúng hướng; cần tiếp tục duy trì

Câu 3:

$$ROA = ROS \times SOA = \frac{LNST}{DT} \times \frac{DT}{TS_{bq}}$$

Ta có  $LNST = DT - GVHB - CPBH - CPQLDN - CPLV - CPTTNDN$

$$LNST_{\text{năm trước}} = (32.500 - 23.100 - 2.900 - 4.100 - 600)(1 - 20\%) = 1440$$

$$LNST_{\text{năm nay}} = (45.800 - 33.200 - 4.200 - 5.800 - 1.100)(1 - 20\%) = 1200$$

Ta có  $\Delta ROA_{ROS} = (ROS_1 - ROS_0) \times SOA_0$

$$ROS_1 = \frac{1200}{32.500} \times 100 = 3,69\%$$

$$ROS_0 = \frac{1440}{32.500}$$

$$ROS_1 = \frac{1200}{45800} = 2,62\%$$

$$ROS_0 = \frac{1440}{32.500} = 4,43\%$$

$$SOA_1 = \frac{45800}{82.000} = 55,85\%$$

$$SOA_0 = \frac{32.500}{58.000} = 56,03\%$$

$$ROA_1 = 146,327\%$$

$$ROA_0 = 248,213\%$$

$$\Delta ROA = -101,886\%$$

Ta có  $\Delta ROA_{ROS} = (ROS_1 - ROS_0) \times SOA_0 = (2,62\% - 4,43\%) \times 55,85\% = -101,09\%$

$$\Delta ROA_{SOA} = ROS_1 (SOA_1 - SOA_0) = 2,62\% (55,85\% - 56,03\%) = -0,4716\%$$

$$\Rightarrow \Delta ROA = \Delta ROA_{ROS} + \Delta ROA_{SOA} = -101,09\% + -0,4716\% = -101,6184\%$$

⇒ Nhận xét:

- Ta thấy tỷ suất sinh lời trên tài sản của năm nay là 146,327%, năm trước là 248,213%

giảm so với năm trước là -101,886% tương ứng với giảm tỷ lệ 41,04% so với năm trước điều này là do:

- Vòng quay tài sản cũng giảm từ 2,62% (năm nay) xuống còn 4,43%, giảm 1,81% tương ứng với tỷ lệ 40,85%, tuy doanh thu năm nay tăng so với năm trước tuy nhiên giá vốn và các chi phí khác cũng tăng theo khiến cho LNST bị giảm đáng kể

- Vòng quay tài sản cũng giảm từ 55,85% (năm nay) xuống còn 56,03% (năm trước), giảm 0,18% tương ứng với tỷ lệ 0,32%, điều này do tài sản bình quân của doanh nghiệp tăng mạnh từ 58.000 → 82.000 có thể là doanh nghiệp đang có chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh, Tuy nhiên cần xem xét đến việc điều chỉnh cơ cấu vốn, ... để tăng vòng lợi nhuận

Câu 4:

Ta có bảng sau:

Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B
ROA	0,1803 = 18,03%	0,2123 = 21,23%
ROS	0,1074 = 10,74%	0,1409 = 14,09%
ROE	0,2723 = 27,23%	0,3285 = 32,85%

Nhận xét:

Ta thấy ROA của công ty B > ROA của công ty A cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty B đang tốt hơn

Tương tự với ROS và ROE của công ty B cũng

quản lý DN tăng <sup>manh</sup> lãi lượt ~~lần~~ 65,13% và 39,59% trong 2 năm phân tích. Tiếp đến, chi phí hoạt động tài chính tăng đáng kể từ 44.309 triệu đồng lên 313.379 triệu đồng, tương đương mức tăng là 607,26%, điều này khiến cho LN trước thuế của DN âm (-38.851 triệu đồng) trong năm 2020.

Câu 4:

1. Đánh giá khả năng thanh toán của Cty Đức Giang

Chỉ tiêu	2021	2022	Chỉ số
KNTT ngắn hạn	2,74	4,27	1,53 <sup>0,15</sup>
KNTT nhanh	2,11	3,88	1,77 <sup>0,15</sup>
KNTT tức thời	0,06	<del>0,06</del> 0,21	0,15 <sup>0,15</sup>

Sinh viên gộp giấy theo đường kẻ này

- Về KNTT ngắn hạn của Cty Đức Giang trong giai đoạn 2021-2022, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn liên lượt là 2,74 và 4,27. Hệ số đánh giá đây là hệ số tốt ( $> 2$ ), cho thấy KNTT ngắn hạn của DN là rất tốt, tình hình tài chính mạnh.
- Về KNTT nhanh; Cty Đức Giang đạt hệ số liên lượt là 2,11 và 3,88, tương đương tăng 1,77. Đánh giá trong đợt này, KNTT nhanh của AG giữ ở mức ổn định và có cải thiện, các khoản phải thanh toán như HTK không phải là vấn đề trong KNTT.
- Đối với khả năng thanh toán tức thời = tiền mặt, năm 2021, Đức Giang có hệ số thấp với 0,06. Tuy nhiên lượng tiền mặt sẵn sàng

TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bảng số	Ghi bảng chữ			
9,5	Chín phẩy năm	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	- Số tờ: _____ - Mã đề: _____

**Kết quả**

**Câu 1:** 3

**Câu 2:** 1

**Câu 3:** 4

**Câu 4:** 4

**Câu 5:** 1

**Cộng:** 9,5

Câu 1:

1. a ✓	6. d ✓
2. a ✓	7. c ✓
3. d ✓	8. b ✓
4. d ✓	9. b ✓
5. c ✓	10. d ✓

Câu 2:

\* Phương pháp so sánh

- Khái niệm: đây là phương pháp so sánh chỉ tiêu phân tích dựa trên chỉ tiêu cơ sở trong báo cáo tài chính
- Điều kiện: các đại lượng có thể so sánh được
- Nội dung:
  - + so sánh kỳ hiện tại với các kỳ trước
  - + so sánh kỳ hiện tại với kế hoạch đề ra
  - + so sánh số liệu ngành hoặc chỉ tiêu trung bình ngành
- Hình thức:
  - + So sánh ngang: so sánh quy mô ~~đầu~~ trong giai đoạn phân tích của doanh nghiệp
  - + so sánh dọc: so sánh sự chuyển đổi có cấu trúc các chỉ tiêu trg BCTC
- Cách thức: so sánh tương đối với so sánh tuyệt đối

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

⊕ Phương pháp Dupont:

= Đây là phương pháp xem xét và phân tích cụ thể mối liên hệ giữa các chỉ tiêu tài chính

- Nội dung: Phân tích lợi suất hoạt động kinh doanh một cách chính xác và toàn diện thông qua lợi suất lợi nhuận trên doanh thu, vòng quay tài sản và đòn bẩy tài chính

- Công thức:

$$ROE = ROS \times SOA \times \text{Đòn bẩy tài chính}$$

⊕ Ưu, nhược điểm của 2 phương pháp

Phương pháp	Ưu điểm	Nhược điểm
So sánh	- Tính toán đơn giản - Xác định sự thay đổi quy mô và cơ cấu của các chỉ tiêu → xác định xu hướng	- Chưa xác định cụ thể nguyên nhân tăng giảm của các chỉ tiêu
Dupont	- Xem xét và phân tích và chỉ ra được nguyên nhân thay đổi lợi suất hoạt động, kinh doanh dựa từ yếu tố nào - Từ đó giúp cho DN đưa ra phương pháp điều chỉnh và cải thiện các yếu tố để tăng lợi suất sinh lời của DN hơn (ROE, ROA, ROS)	- Cách thức tính toán và phân tích phức tạp hơn - Không phù hợp với DN đang lỗ (ROE < 0)

⊕ ~~Ưu~~

a.

Chỉ tiêu

Câu 3:

a. Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán

⊕ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

= Lợi nhuận gộp - Chi phí bán hàng - Chi phí QLDN

→ Ta có bảng sau

Chỉ tiêu	2019	2020
Lợi nhuận gộp về BH và CCPV	321.978	369.788
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	153.583	114.728

b.

Chỉ tiêu	2019	2020	Chênh lệch	
			+/- số tiền	+/- %
DTT			<del>224.966</del>	<del>18,27%</del>
GVHB	908.824	1.085.980	224.966	18,27%
LN gộp	321.978	369.788	47.810	14,85%
DT từ HĐKD	97.000	118.538	21.538	22,2%
CP từ HĐKD	49.309	313.379	269.070	607,26%
CPBH	31.710	5.2364	20.654	65,13%
CP QLDN	9.5427	133.178	37.751	39,54%
LN thuần	153.583	114.728	-38.855	-25,30%
LN TT	206.274	-80.113	-286.387	-138,89%

- Trong BC KQKD của DN trong giai đoạn 2019-2020, doanh thu thuần tăng 224.966 triệu đồng, tương đương 18,27% của 2019. Tuy nhiên với sự biến động mạnh của chi phí trong năm 2020, lợi nhuận thuần và lợi nhuận trước thuế của DN giảm đáng kể, lần lượt là -25,30% và -138,89%. Cụ thể, giá vốn hàng bán tăng từ 908.824 triệu lên 1.085.980, tương đương mức tăng 19,49%. Chi phí bán hàng và chi phí

TÊN HỌC PHẦN: PTC DN

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.  - Số tờ: - Mã đề:
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
9,5	Chín phẩy năm	Uk		

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

**Kết quả**

đề trả các khoản nợ ngắn hạn trong 2022 có cải thiện ở hệ số 0,2. 0,2:

**Câu 1:**

2. Định giá hàng tồn kho đúng

**Câu 2:**

**Câu 3:**

Chỉ tiêu	2021	2022	Chỉ số biến
Vòng quay HTK (vòng)	4,59	7,69	0,17 3,1 (tích cực)
Số ngày vòng quay HTK (ngày)	78,43	46,8	0,17 -3,1, 63 (tích cực)
Cộng: (vòng)	12,22	7,52	-4,7 (tiêu cực)
Vòng quay KPT (ngày)	29,46	47,87	18,41 (tiêu cực)
Tỷ thu tiền			

**Câu 4:**

**Câu 5:**

**Cộng:**

- Đối với khả năng bán hàng, vòng quay HTK tăng từ 4,59 lên 7,69 trong giai đoạn 2021 - 2022. Cũng với đó số ngày quay vòng tiền kho cũng nhanh hơn, phản ánh DN bán hàng nhanh, ít để hàng ứ đọng trong thời gian kinh doanh. DN quản lý HTK tốt hơn.

- Đối với khoản phải thu, Đức Giang có vòng quay KPT cao, lần lượt là 12,22 và 7,52 vòng trong giai đoạn 2021 - 2022.

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỤC Ở PHẦN TRÊN

đến nay cho thấy DN ít hơn, train lúc tài chính an toàn. Năm 2022, vòng quay có giảm nhiều do số ngày thu tiền tăng lên 47 ngày / vòng, nguyên nhân là do doanh thu của ĐAC tăng đáng kể từ 9550 tỷ đồng lên 14444 tỷ đồng. <sup>0,25</sup>

- Nguyên nhân chủ yếu tăng FN quay vòng HTK là do Ác Giay quản lý tài HTK, HTK 2022 giảm so với HTK 2021, <sup>0,25</sup>

Năm 2022 so với 2021.

- KNTT tổng quát tăng 1,32 lần (33,9%), KNTT nợ ngắn hạn tăng 1,53 lần (55,8%), KNTT nhanh tăng 1,77 lần (83,9%), KNTT tức thời tăng 0,15 lần (300%)
- Qua sự chênh lệch ta thấy Công ty tăng về khả năng thanh toán trong ngắn hạn, đảm bảo việc chi trả cho các khoản nợ NH khi đến hạn => Công ty đảm bảo an toàn về KNTT. Đây là dấu hiệu cho thấy hoạt động hiệu quả
- Công ty không có các khoản nợ dài hạn và hệ số đầu tư < 1 => an toàn về tình hình tài chính; đảm bảo về KNTT ngắn hạn

2. Năng lực hoạt động:

Chỉ tiêu	2021	2022	±
Vòng quay khoản phải thu (vòng)	12,23	7,53	-4,7
Kỳ thu tiền BQ (ngày)	29,84	48,47	18,63
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	4,59	7,69	3,1
Kỳ lưu kho (ngày)	79,52	47,46	-32,06
Vòng quay tài sản (vòng)	1,12	1,08	-0,04
Vòng quay TSCĐ (vòng)	4,84	9,11	3,27

- Vòng quay khoản phải thu giảm dẫn đến số ngày trong kỳ thu tiền tăng lên => Doanh nghiệp gặp khó với các khách phải thu NH
- Vòng quay hàng tồn kho tăng và kỳ lưu kho giảm cho thấy sự luân chuyển của hàng tồn kho tốt
- > Doanh nghiệp hoạt động tốt hơn trong sản xuất kinh doanh
- Năm 2022, vòng quay TS giảm cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản giảm nhưng hiệu quả sử dụng TSCĐ tăng

Sinh viên gấp giấy theo đường kẻ này

Số phách  
**199**

TÊN HỌC PHẦN: Phân tích tài chính doanh nghiệp

ĐIỂM KẾT LUẬN CỦA BÀI THI		Giảng viên chấm 1:	Giảng viên chấm 2:	Chú ý: Sinh viên Phải ghi mã đề và số tờ giấy thi sẽ nộp.
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ			
9,1	Chín phẩy một	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	- Số tờ: 01 - Mã đề: 04

<b>Kết quả</b>	Câu 1:	1a ✓	6d ✓
<b>Câu 1: 2,1</b>		2a ✓	7c ✓
<b>Câu 2: 1</b>		3c ✓	8b ✓
<b>Câu 3: 2</b>		4c ✓	9b ✓
<b>Câu 4: 4</b>		5d ✓	10d ✓
<b>Câu 5: 1</b>	Câu 2:	* Phương pháp so sánh:	
<b>Cộng: 9,1</b>		- Khái niệm: là phương pháp dùng để so sánh một chỉ tiêu phân tích so với một chỉ tiêu cơ sở là phương pháp phổ biến nhất trong phân tích tài chính.	
		- Nội dung:	
		+ So sánh kỹ thực tế với kỹ trước: phản ánh hiệu quả hoạt động, mức độ biến động của chỉ tiêu.	
		+ So sánh kỹ thực tế với kỹ kế hoạch: phản ánh mức độ hoàn thành nhiệm vụ đã đặt ra theo kế hoạch.	
		+ So sánh với trung bình ngành: cho biết tình hình tài chính của công ty là tốt hay xấu.	
		- Ưu điểm: + đơn giản, dễ thực hiện khi so sánh các chỉ tiêu.	
		+ Nhược điểm: Khó	
		+ Cho biết tính xu thế của chỉ tiêu.	
		- Nhược điểm: Không xác thực về số liệu khi tính toán.	

THÍ SINH CẦN GHI ĐẦY ĐỦ CÁC MỨC Ở PHẦN TRÊN

\* phương pháp phân tích Dupont:

- Khái niệm: là công cụ tài chính giúp doanh nghiệp đánh giá khả năng sinh lời dựa trên các chỉ số tài chính như ROE, ROA, ROS.

- Nội dung: phân tích Dupont giúp phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ROA, ROE. Từ đó doanh nghiệp có thể điều chỉnh các chỉ tiêu cho phù hợp.

Công thức:

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$= ROS \times SOA$$

$$ROE = \frac{\text{LNST}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

$$= ROS \times SOA \times \text{Đòn bẩy tài chính}$$

- Ưu điểm:

+ Công thức dễ áp dụng để tính toán

+ Cho biết ảnh hưởng của từng nhân tố lên ROE. Nếu ROE cao phản ánh doanh nghiệp đang sử dụng hiệu quả vốn chủ sở hữu.

+ So sánh với trung bình ngành cho biết vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

- Nhược điểm:

+ Thiếu độ tin cậy và độ linh hoạt

+ Thiếu chi phí vốn.

Câu 3: Đơn vị: triệu đồng

a) Chỉ tiêu	Chênh lệch 2020/2019		Tuyệt đối	Tương đối
	2019	2020		
1. Doanh thu BM và CCPV	1.238.339	1.466.192		
2. Các khoản giảm trừ	7.537	10.424		
- Hàng bán bị trả lại	7.537	10.424		
3. Doanh thu thuần	1.230.802	1.455.768		
4. Giá vốn hàng bán	908.824	1.085.980		
5. Lợi nhuận gộp	321.978	369.788	0,5	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	97.000	118.538		
7. Chi phí hoạt động tài chính	44.309	313.379	269.070	607%
- Chi phí lãi vay	31.710	52.364	20.654	65%
8. Chi phí bán hàng	95.427	133.178	37.751	40%
9. Chi phí QLDN	7.268	121.882	489.14	67%
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	206.274	-80.113	0,5	

Công thức tính:

$$(5) = (3) - (4) = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$(10) = (5) + [(6) - (7)] - (8) - (9)$$

b. biến động các khoản chi phí năm 2020 so với 2019.

- Chi phí hoạt động tài chính tăng rất mạnh (269.070 triệu đồng) tương ứng với 607%. Cho thấy doanh nghiệp đang tập trung vào các hoạt động tài chính.

- Chi phí lãi vay tăng 20.654 triệu (65%). Trên tổng chi phí tài chính, chi phí lãi vay năm 2020 chiếm tỷ trọng thấp hơn 2019 chứng tỏ doanh nghiệp đã giảm các khoản vay và tập trung vào các hoạt động khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN tăng tương ứng 40% và 67% cho thấy doanh nghiệp qua tăng hoạt động sản xuất sản phẩm.

Việc tăng các khoản chi phí năm 2020 so với 2019 cho thấy doanh nghiệp tích cực sản xuất kinh doanh nhưng chi phí hoạt động tài chính tăng quá mạnh dẫn đến ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh. Lợi nhuận thuần từ HĐKD giảm xuống -80.113. Doanh nghiệp sang 2020 đã không thu được và thậm chí phải lỗ do vậy cần có các biện pháp quản lý chi phí hiệu quả hơn.

Câu 4:

1. khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Công thức	2021	2022	+/-	%
Khả năng thanh toán tổng quát	$\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$	3,89	5,21	1,32	33,9%
KNTT nợ ngắn hạn	$\frac{\text{TSNH}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	2,74	4,27	1,53	55,8%
KNTT nhanh	$\frac{\text{TSNH - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	2,11	3,88	1,77	83,9%
KNTT tức thời	$\frac{\text{Tiền và tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,05	0,2	0,15	100% - 300%
KNTT nợ dài hạn	$\frac{\text{TSDH}}{\text{Nợ dài hạn}}$	-	-		
KNTT hệ số an toàn	$\frac{\text{TSDH}}{\text{Nợ DH + VCSH}}$	0,39	0,22	-0,17	-43,6%